

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai.

- Bà Hồ Thị Kim Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Lợi, thị trấn T, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ An 2, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Năm 2020, ông và bà B sống chung với nhau như vợ chồng và được sự chấp nhận của cha mẹ bà B. Trong thời gian sống chung thì bà B có nói với ông là có nguyện vọng cất 01 căn nhà để ở, do có tình cảm với bà B nên ông đồng ý cho bà B mượn tiền cất nhà. Khi đưa tiền cho bà B cất nhà thì giữa ông và bà B có làm biên nhận ngày 18/6/2020 với nội dung bà B mượn tiền cất nhà với số tiền 251.590.000 đồng, biên nhận có chữ ký tên và chữ viết họ, tên của bà B. Sau đó, ông đi làm kiếm tiền và chuyển khoản thêm tiền cất nhà vào tài khoản của bà B

nhiều lần với tổng số tiền 470.000.000 đồng. Căn nhà có diện tích ngang 4,9m, dài 16m, được xây từ ngày 18/6/2020 âm lịch đến tháng 5/2021 âm lịch thì hoàn thành. Tất cả các chi phí như công thợ và vật liệu xây dựng để hoàn thành căn nhà là tiền của cá nhân ông. Ngoài ra, có rất nhiều nội thất trong nhà như tủ, bàn ghế do ông mua. Sau khi xây nhà xong thì ông và bà B sống chung tại căn nhà trên đến cuối tháng 01/2022 thì do ông không làm ăn được, hoàn cảnh khó khăn nên bà B đuổi ông đi và không trả lại cho ông tiền xây cất căn nhà.

Trước đây, tại đơn khởi kiện ông yêu cầu bà B trả lại cho ông số tiền 470.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà B trả cho ông số tiền 251.590.000 đồng theo Biên nhận ngày 18/6/2020, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do nên không thể ghi nhận ý kiến của bà B đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc B. Bà Nguyễn Thị Ngọc B có nơi cư trú tại xã H, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc B yêu cầu trả tiền cho bà B vay để cất nhà. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[4] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu bà B trả số tiền 470.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T xác định rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 218.410.000 đồng, chỉ yêu cầu bà B trả cho ông số tiền 251.590.000 đồng. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 218.410.000 đồng.

- Về nội dung:

[5] Căn cứ nội dung Biên nhận ngày 18/6/2020 có chữ ký của bên vay tiền là bà B và nội dung *“Tôi tên Nguyễn Thị Ngọc B...có nhận số tiền 51.590.000 đồng của anh Nguyễn Ngọc T, lý do: mượn tiền cất nhà, nay tôi làm biên nhận này để làm bằng nếu tôi không trả vốn và lãi vay theo thỏa thuận thì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”*. Như vậy, có cơ sở xác định giữa bà B và ông T có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 251.590.000 đồng, hợp đồng, hợp đồng không

xác định thời hạn và lãi suất. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa ông T và bà B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Việc bà B không thanh toán số tiền 251.590.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc bà B trả số tiền còn nợ cho ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc bà B có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền 251.590.000 đồng.

[7] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 244, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T đối với số tiền 218.410.000 đồng (*Hai trăm mười tám triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T.

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 251.590.000 đồng (*Hai trăm năm mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 12.579.500 đồng (*Mười hai triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc T được nhận lại 11.400.000 đồng (*Mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001195 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên